

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương,
phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và cơ chế, biện pháp điều hành
ngân sách địa phương năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 34**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Quyết định số 2661/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét các Tờ trình số 4569/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025; Báo cáo số 682/BC-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 và các báo cáo tiếp thu số: 707/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2025, 739/BC-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; các báo cáo thẩm tra số: 301/BC-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025, 315/BC-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:	74.000.000 triệu đồng
a) Thu hoạt động xuất nhập khẩu:	17.500.000 triệu đồng
b) Thu nội địa:	56.500.000 triệu đồng
2. Thu ngân sách địa phương:	43.210.753 triệu đồng
a) Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp:	39.809.950 triệu đồng
b) Bổ sung từ ngân sách trung ương:	909.941 triệu đồng
c) Thu từ nguồn cải cách tiền lương:	2.490.862 triệu đồng
3. Tổng chi ngân sách địa phương:	43.210.753 triệu đồng

Trong đó:

a) Chi đầu tư công: 20.543.600 triệu đồng

b) Chi thường xuyên: 20.459.920 triệu đồng

Trong đó:

- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 6.975.180 triệu đồng

- Chi khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: 1.089.100 triệu đồng

c) Chi trả nợ gốc: 45.300 triệu đồng

(Chi tiết theo các Biểu số 15, 16, 17, 18 của Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

Điều 2. Phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2026

Hội đồng nhân dân tỉnh nhất trí thông qua phương án phân bổ chi ngân sách cấp tỉnh: 31.722.430 triệu đồng (Chi tiết theo các Biểu số 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 41, 42, 46 của Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ và các Phụ biểu kèm theo), trong đó:

1. Chi từ nguồn thu cân đối ngân sách cấp tỉnh được hưởng theo phân cấp và nguồn cải cách tiền lương: 25.506.745 triệu đồng, trong đó:

a) Chi đầu tư công ngân sách cấp tỉnh: 17.678.027 triệu đồng (Chi tiết theo phụ biểu 01-05), bao gồm:

- Tiết kiệm 5% dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương để chuyển về Trung ương bổ sung nguồn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng: 1.050.000 triệu đồng;

- Phân bổ kinh phí hỗ trợ các địa phương theo tiêu chí chấm điểm: 4.000.000 triệu đồng;

- Cấp vốn điều lệ năm 2026 cho Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh: 50.000 triệu đồng;

- Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 660.000 triệu đồng;

- Phân bổ kế hoạch vốn cho 100 dự án hoàn thành: 339.235 triệu đồng. Trong đó phân bổ 18.800 triệu đồng cho 03 dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Luật Đầu tư công năm 2024.

- Phân bổ kế hoạch vốn cho 124 dự án chuyển tiếp: 10.438.792 triệu đồng. Trong đó phân bổ 180.300 triệu đồng cho 03 dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Luật Đầu tư công năm 2024;

- Phân bổ kế hoạch vốn cho 06 dự án khởi công mới: 1.140.000 triệu đồng;

b) Chi thường xuyên: 6.911.698 triệu đồng (Kinh phí phân bổ chi tiết: 5.179.633 triệu đồng; kinh phí chưa phân bổ chi tiết: 1.732.065 triệu đồng). Trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 1.088.028 triệu đồng;

- Sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: 981.124 triệu đồng).

- c) Dự phòng ngân sách: 510.028 triệu đồng.
- d) Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 398.392 triệu đồng.
- 2. Chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới: 5.260.444 triệu đồng.
- 3. Chi từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp theo các chương trình, dự án, nhiệm vụ: 909.941 triệu đồng (*Chi tiết theo phụ biểu 06*).
- 4. Chi trả nợ gốc: 45.300 triệu đồng.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách nhà nước năm 2026:

1. Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, đơn vị, tổ chức triển khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 đảm bảo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, Luật Đầu tư công và các quy định có liên quan;

a) Thực hiện các giải pháp thu hiệu quả, hoàn thành cao nhất dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong điều hành, phấn đấu thu ngân sách nhà nước năm 2026 tăng ít nhất 10% so với thực hiện năm 2025, đảm bảo cân đối ngân sách địa phương. Quyết liệt thực hiện các giải pháp tăng cường quản lý thu, cơ cấu lại nguồn thu đảm bảo bền vững; mở rộng cơ sở thu; chống thất thu, trốn thuế; gian lận thương mại, đặc biệt trong các hoạt động thương mại dựa trên nền tảng số, thuế giá trị gia tăng; đôn đốc thu hồi các khoản nợ đọng thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 8% trên tổng thu nội địa; đẩy mạnh triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính về thuế; thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất.

b) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong phân bổ, giao dự toán, quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách nhà nước gắn với trách nhiệm người đứng đầu; điều hành chi ngân sách theo dự toán, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật; triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cần thiết để đảm bảo nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, an sinh xã hội và bổ sung vốn đầu tư phát triển.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương phân bổ, giao dự toán chi lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không thấp hơn dự toán Tỉnh giao; bố trí đủ kinh phí cho nhiệm vụ quản lý đất đai. Đổi mới phương thức quản lý chi thường xuyên, tăng cường đấu thầu, đặt hàng, khoán kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp công lập nâng cao chất lượng dịch vụ công và giảm dần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Một số dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, được phép đặt hàng với các tổ chức, doanh nghiệp khi đáp ứng đủ các điều kiện được quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ.

Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, khắc phục hạn chế trong chậm triển khai thực hiện dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công; kiên quyết điều chuyển vốn của các dự án chậm tiến độ sang các dự án có khả năng thực hiện và giải ngân nhưng thiếu vốn, hạn chế tối đa việc chuyển nguồn.

c) Chỉ đạo triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định về thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, nhất là các lĩnh vực đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, giáo dục, y tế, phát triển kinh tế tư nhân, các dự án trọng điểm, các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh xác định cụ thể số kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên (ngoài tiết kiệm tạo nguồn cải cách tiền lương) để bổ sung nguồn kinh phí chi an sinh xã hội từ nguồn kinh phí chưa phân bổ chi tiết theo yêu cầu của Quốc hội tại Nghị quyết số 245/2025/QH15 theo từng cấp ngân sách, từng cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Tài chính.

3. Nguồn cải cách tiền lương tại các đơn vị, địa phương được sử dụng để thực hiện tăng mức lương cơ sở và chi tạo lập quỹ khen thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ; trường hợp, sau khi đã sử dụng hết nguồn cải cách tiền lương của cấp xã mà chưa đáp ứng đủ nhu cầu theo chế độ quy định, phần còn thiếu sẽ được đảm bảo từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh.

4. Dự toán chi thường xuyên năm 2026 đã đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách của Trung ương, của Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành đến hết năm 2025; phân bổ cho cấp xã theo đơn vị hành chính loại III. Căn cứ quyết định phân loại đơn vị hành chính của cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ phần kinh phí chênh lệch tăng thêm cho các xã, phường, đặc khu từ nguồn dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh đầu năm chưa phân bổ chi tiết.

Kinh phí thực hiện một số chính sách, chế độ mới được Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mới trong năm 2026 do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo, được thực hiện bổ sung có mục tiêu cho các địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

Đối với chế độ chi cho người lao động làm công tác hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán cho các cơ quan đơn vị đảm bảo quy định của pháp luật, chế độ chính sách và quyền lợi của người lao động.

Đối với kinh phí cho nhiệm vụ bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, ngoài phần kinh phí được ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu, các địa phương chủ động cân đối ngân sách để thực hiện.

Đối với kinh phí chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phân bổ cho cấp xã, ngoài kinh phí theo định mức, phân bổ thêm mỗi xã, phường, đặc khu 01 tỷ đồng để thực hiện công tác chuẩn bị thủ tục hồ sơ của các nhiệm vụ; số kinh phí còn lại sẽ được phân bổ khi các sở, ngành, địa phương có đầy đủ thủ tục hồ sơ dự toán theo quy định từ nguồn dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh đầu năm chưa phân bổ chi tiết.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Hội đồng nhân dân, các cơ quan thanh tra, kiểm

tra, kiểm toán về tính đầy đủ, khách quan, chính xác của các thông tin, số liệu, nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan.

Tiếp tục chủ động cân đối nguồn lực, rà soát kỹ lưỡng sự cần thiết, nhu cầu thực tế để thực hiện hỗ trợ các nhiệm vụ phát sinh (bao gồm cả lĩnh vực quốc phòng) đảm bảo kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ nguồn kinh phí còn lại chưa phân bổ năm 2025; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất. Đồng thời, thực hiện rà soát, đánh giá kết quả việc thực hiện quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đang triển khai trên địa bàn tỉnh để sớm ban hành quy định mức giá dịch vụ mới phù hợp với tình hình thực tiễn, đúng quy định của Luật Giá; góp phần giảm dần chi từ ngân sách nhà nước nhiệm vụ này.

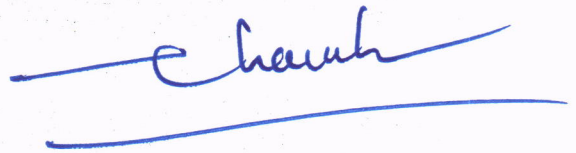
2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./. *h*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ8 *h*

CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Minh Thanh